

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 03- 2024

V/v : “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phi Hồ

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 3012/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2023 về việc “*tranh chấp Ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị N**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: **Số A, tổ D, khu phố D, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: Ông **Lê Ngọc H**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: **Số F, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

(Bà **N**, ông **H** có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng bà **Đỗ Thị N** trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tôi và anh **Lê Ngọc H** kết hôn. Được **UBND phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/02/2023. Sau khi kết hôn, tôi về chung sống với gia đình chồng tại **số nhà F, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Thời gian đầu, vợ chồng tôi sống chung hòa thuận, đôi lúc có mâu thuẫn nhưng được hai bên gia đình động viên vẫn tiếp tục cuộc hôn nhân nhưng đã bắt đầu rạn nứt. Tôi

mang thai được 3 tháng đến hiện tại thường xuyên nghe những lời mắng chửi chê bai, những tin nhắn cuộc gọi anh nhắn cho bố mẹ tôi với cách nói hỗn láo, không tôn trọng. Cuộc sống của tôi bị anh kiểm soát từ việc nhà đến chỗ làm việc, cấm đoán mọi thứ kể cả giao lưu bạn bè, đồng nghiệp. Chúng tôi có nhiều tranh cãi về việc tôi không làm theo điều anh muốn, những mâu thuẫn nhỏ nhưng lại không giải quyết dứt khoát dẫn đến ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn. Nhiều lần tôi phát hiện anh ngoại tình, nhắn tin hẹn hò qua lại với rất nhiều người, đến cả người tình cũ bằng tuổi mẹ anh phải liên hệ với tôi để kể những điều không hay về anh, về việc anh chê bai tôi, nói kết hôn với tôi chỉ là giả trong công ty của anh nhưng vì thương đứa con trong bụng chưa được sinh ra nên tôi im lặng nhẫn nhịn cho qua. Anh liên tục kiểm chuyện để mắng chửi tôi kể cả những chuyện nhỏ không đáng nói. Đỉnh điểm là sáng hôm 20/7/2023, chúng tôi cãi nhau lớn và anh có hành vi hành hung tôi khi tôi đang mang thai 30 tuần ngay trước mắt bố mẹ anh. Sáng cùng ngày anh nhắn tin nói chuyện hỗn láo, xúc phạm đối với bố mẹ tôi, do bất mãn với cuộc sống vợ chồng như vậy nên chiều 20/7/2023 tôi đã dọn đồ về nhà mẹ đẻ. Đến tối ngày 21/7/2023, anh công khai ngoại tình khi tham gia chương trình thực tế hẹn hò ở công viên B, B và tìm được bạn gái trước sự chứng kiến của nhiều người. Sau ngày tôi dọn đi 20/07/2023 đến nay chúng tôi không chung sống với nhau nhưng anh vẫn tiếp tục nhắn tin chửi mắng tôi và gia đình tôi, anh không có trách nhiệm với vợ con từ lúc tôi mang thai đến lúc sinh con. Xét thấy cuộc sống của vợ chồng tôi không hòa thuận, tình cảm nay cũng không còn, chúng tôi không thể chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi viết đơn này trình lên quý Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Ngọc H.

- **Về con chung:** Có 01 con chung là cháu Lê Đỗ Bảo N1, sinh ngày 16/9/2023. Ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi yêu cầu ông Lê Ngọc H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về Nợ chung:** Tôi cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

- **Về án phí:** Tôi xin tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật

** Theo bản tự khai 29/01/2024, 29/02/2024 và quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông Lê Ngọc H trình bày:*

Tôi và bà Đỗ Thị N kết hôn năm 2023 và đã được ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/3/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống tại nhà tôi tại số F, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung có xảy ra nhiều tranh luận về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Vào tháng 7 năm 2023 vợ tôi tự ý bỏ đi không ở chung với tôi nữa. Từ đó đến nay vợ tôi vẫn chưa về. Nghe tin vợ tôi sanh mẹ tôi có lên thăm thường xuyên. Tôi sau giờ làm cũng ghé thăm thường xuyên tại bệnh viện. Sau khi xuất viện tôi chưa xuống thăm vì tôi sợ câu nói của bố vợ nói trước mặt tôi, mẹ tôi và vợ con tôi: “cháu về nhà ba mẹ mày có xuống thăm thì thăm, riêng mày xuống tao chặt chân”. Nay bà Đỗ Thị N yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý do tôi đã tốn rất nhiều tài sản để cưới vợ và sau khi ly hôn ảnh hưởng tới danh dự nhân phẩm của tôi, sau khi ly hôn tôi mất quyền làm cha.

- **Về con chung:** Có 01 con chung là cháu **Lê Đỗ Bảo N1**, sinh ngày 16/9/2023. Nếu trong trường hợp pháp luật giải quyết ly hôn đơn phương cho vợ tôi và giao con cho vợ tôi thì tôi từ chối cấp dưỡng và ngược lại Tòa giao con cho tôi nuôi thì tôi không cần bà **Đỗ Thị N** phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về Nợ chung:** Tôi cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

*** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên toà:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, cuộc sống vợ chồng của bà **Đỗ Thị N**, ông **Lê Ngọc H** không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà **N** yêu cầu ly hôn với ông **H** là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

- Về con chung: bà **N** và ông **H** có 01 con chung là cháu **Lê Đỗ Bảo N1**, sinh ngày 16/9/2023. Xét thấy đến xét xử sơ thẩm cháu **N1** mới được hơn 06 tháng tuổi, do bà **N** và ông **H** không có thoả thuận được về việc nuôi con nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu **Lê Đỗ Bảo N1** cho bà **Đỗ Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông **Lê Ngọc H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà **N** và ông **H** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** phải chịu án phí sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** là tranh chấp hôn nhân gia đình; Nguyên đơn và bị đơn cư trú tại **thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là vụ kiện thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định hôn nhân của bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H**. Qua trình bày của bà **Đỗ Thị N**, ông **Lê Ngọc H** xét thấy cuộc sống chung của bà **Đỗ Thị N** và **Lê Ngọc H** không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, hai vợ chồng đã ly thân nên bà **Đỗ Thị N** xin được ly hôn với ông **Lê Ngọc H**. Tại bản tự khai ông **Lê Ngọc H** không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn mà hai vợ chồng chỉ có xảy ra nhiều tranh luận về nhiều vấn đề trong cuộc sống và thừa nhận hai vợ chồng đã ly thân, đối với yêu cầu ly hôn của bà **Đỗ Thị N** ông không đồng ý ly hôn vì ông đã tốn rất nhiều tài sản để cưới vợ, sau khi ly hôn ảnh hưởng tới danh dự nhân phẩm của ông cụ thể ông sẽ bị nói là bị vợ bỏ và sau khi ly hôn ông mất quyền làm cha. Qua phân trình bày trên chứng tỏ ông **Lê Ngọc H** không có tình cảm thương yêu vợ. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận đã không đạt được. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên yêu cầu của bà **Đỗ Thị N** về việc xin ly hôn với ông **Lê Ngọc H** là có cơ sở chấp nhận. Từ lý do trên, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà **Đỗ Thị N**, cho bà **Đỗ Thị N** được ly hôn với ông **Lê Ngọc H**.

[2] Về con chung: Bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** có 01 con chung là cháu **Lê Đỗ Bảo N1**, sinh ngày 16/9/2023. Ông **Lê Ngọc H** trình bày nếu giao con cho ông nuôi thì ông không yêu cầu bà **Đỗ Thị N** cấp dưỡng nuôi con và trong trường hợp pháp luật giao con cho vợ ông thì ông từ chối cấp dưỡng. Bà **Đỗ Thị N** có ý kiến được nuôi con và yêu cầu ông **Lê Ngọc H** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng hoặc cha mẹ có thoả thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Tại phiên toà hôm nay, bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** không thoả thuận được việc nuôi con. Từ khi bà **Đỗ Thị N** có thai về nhà ba mẹ ruột sinh sống và sau khi sinh con đến nay ông **Lê Ngọc H** ngoài những ngày bà **Đỗ Thị N** sinh con ở bệnh viện có đến thăm thì không có đến thăm nom hay cấp dưỡng nuôi con khi bà **Đỗ Thị N** và con. Từ các nội dung trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu **Lê Đỗ Bảo N1**, sinh ngày 16/9/2023 cho bà **Đỗ Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Đỗ Thị N** yêu cầu ông **Lê Ngọc H** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Ông **Lê Ngọc H** không đồng ý. Theo quy định của pháp luật “*cha mẹ không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Xét thấy yêu cầu của bà **Đỗ Thị N** là chính đáng và phù hợp với thời điểm hiện tại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **Đỗ Thị N**. Buộc ông **Lê Ngọc H** phải cấp dưỡng nuôi con là **Lê Đỗ Bảo N1**, sinh ngày 16/9/2023 mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Do ông **Lê Ngọc H** không trực tiếp nuôi con nên ông **Lê Ngọc H** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** khai không có nên Tòa

án không giải quyết trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí:

- Bà **Đỗ Thị N** phải nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Ông **Lê Ngọc H** phải nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Đỗ Thị N**. Bà **Đỗ Thị N** được ly hôn với ông **Lê Ngọc H**.

2. Về con chung: Có 01 con chung là: **Lê Đỗ Bảo N1**, sinh ngày 16/9/2023. Giao cháu **Lê Đỗ Bảo N1** cho bà **Đỗ Thị N** được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và buộc ông **Lê Ngọc H** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm 29/3/2024.

Do ông **Lê Ngọc H** không trực tiếp nuôi con nên ông **Lê Ngọc H** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** nêu không có nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Bà **Đỗ Thị N** và ông **Lê Ngọc H** nêu không có nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí:

- Bà **Đỗ Thị N** phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà **Đỗ Thị N** đã nộp theo biên lai thu số 0008995, ngày 09/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. **Đỗ Thị N** đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông **Lê Ngọc H** phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản

tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bà **Đỗ Thị N**, ông **Lê Ngọc H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 24/02/2023);
- Chi cục T.H.A. dân sự thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hồng Ngọc